

DANH SÁCH HỌC VIÊN KHỐI 11 KIỂM TRA LẠI
NĂM HỌC: 2024-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 117 /KH-TXGD ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Trung tâm GDTX Gia Định)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Số môn	Môn học	ĐTBm
							(XL)
1	Nguyễn Thiện Phong	31/03/2007	Nam	11A2	1	Địa lí	4.4
					2	Tin học	4.6
2	Phạm Trường Doanh	04/01/2007	Nam	11A3	1	Toán	3.5
					2	Sinh học	4.3
					3	Ngữ văn	4.7
					4	Lịch sử	4.2
					5	Địa lí	3.0
					6	Tin học	4.0
					7	GDKT&PL	4.7
3	Trần Thanh Nhân	19/09/2008	Nam	11A3	1	Sinh học	4.1
					2	Ngữ văn	4.8
					3	Tin học	4.7
4	Nguyễn Thiên Đại Phát	13/01/2007	Nam	11A3	1	Sinh học	4.9
					2	Ngữ văn	4.6
					3	Địa lí	4.5
					4	Tin học	4.7
5	Nguyễn Hoài An Khang	08/07/2008	Nam	11A4	1	Địa lí	4.9
6	Nguyễn Trần Khang Đức	24/05/2008	Nam	11A5	1	Toán	4.5
					2	Địa lí	3.8
					3	GDKT&PL	3.7
7	Huỳnh Ngọc Như Khuê	04/08/2008	Nữ	11A5	1	Toán	4.8
					2	Ngữ văn	4.5
					3	Địa lí	4.9
8	Võ Thanh Tuấn Huy	24/11/2008	Nam	11A7	1	Vật lí	2.9
9	Đặng Trần Quốc Bảo	20/11/2007	Nam	11A9	1	Toán	4.7
10	Nguyễn Đức Anh Vũ	29/08/2008	Nam	11A9	1	Ngữ văn	4.3

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Số môn	Môn học	ĐTBm
							(XL)
11	Nguyễn Văn Triều Vỹ	29/08/2008	Nam	11A9	1	Vật lí	3.3
					2	Sinh học	4.8
12	Trương Gia Bảo	24/09/2007	Nam	11A10	1	Vật lí	4.1
					2	Sinh học	4.9
13	Nguyễn Thị Thu Hà	07/04/2008	Nữ	11A10	1	Toán	4.5
					2	Vật lí	4.8
					3	Địa lí	4.3
14	Lê Vũ Hoàng Minh	02/10/2007	Nam	11A10	1	Vật lí	4.6
					2	Lịch sử	4.6
					3	Địa lí	4.0
15	Huỳnh Tấn Phát	02/08/2008	Nam	11A10	1	Ngữ văn	4.8
					2	Địa lí	4.5
16	Võ Huỳnh Tiến Đạt	02/10/2008	Nam	11A11	1	Toán	4.8
					2	Vật lí	4.7
					3	Sinh học	4.3
					4	Địa lí	4.7
17	Lý Hồng Hoa	16/08/2008	Nữ	11A11	1	Toán	4.5
					2	Địa lí	2.7
18	Mai Quốc Lâm	09/04/2008	Nam	11A11	1	Toán	4.8
					2	Vật lí	4.9
					3	Sinh học	4.5
19	Hồ Nhựt Tân	27/09/2008	Nam	11A11	1	Sinh học	4.1
					2	Địa lí	4.1
20	Trần Anh Việt	26/11/2007	Nam	11A11	1	Toán	4.7
					2	Vật lí	4.8
					3	Sinh học	4.9
21	Đặng Công Khải	30/09/2007	Nam	11A12	1	Sinh học	4.9
					2	Địa lí	3.6
22	Nguyễn Duy Phúc	24/06/2008	Nam	11A12	1	Vật lí	3.2
					2	Sinh học	4.5
					3	Địa lí	4.6